

MAJJHIMA NIKĀYA

TRUNG BỘ KINH

Mn131: Kinh số 131

BHADDEKARATTASUTTA

KINH NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

Pāli version: <https://tipitaka.org/romn/>

Bản dịch Việt: HT. Thích Minh Châu: <https://budsas.net/>

English version translated by Bhikkhu Thanissaro: : <https://budsas.net/>

BHADDEKARATTASUTTA

272. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”’ti. “Bhadante”’ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca – “bhaddekarattassa vo, bhikkhave, uddesañca vibhaṅgañca desessāmi. Taṃ suṇātha, sādhucaṃ manasi karotha; bhāsissāmī”’ti. “Evaṃ, bhante”’ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum.

Bhagavā etadavoca –

“Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ;

Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ.

“Paccuppannañca yo [yaṃ (nettipāḷi)] dhammaṃ, tattha tattha vipassati;

Asaṃhīraṃ [asaṃhiraṃ] asaṃkappaṃ, taṃ vidvā manubrūhaye.

“Ajjeva kiccaṃātappaṃ [kiccaṃ ātappaṃ], ko jaññā maraṇaṃ suve;

Na hi no saṅgamaṃ tena, mahāsenena maccunā.

“Evaṃ vihāriṃ ātāpiṃ, ahorattamatanditaṃ;

Taṃ ve bhaddekarattoti, santo ācikkhate muni”’ [munīti].

KINH NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

272. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". --"Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

-- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông: 'Nhất Dạ Hiền Giả', tổng thuyết và biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ thuyết giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Quá khứ không truy tìm,

Tương lai không ước vọng.

Quá khứ đã đoạn tận,

Tương lai lại chưa đến,

Chỉ có pháp hiện tại

Tuệ quán chính ở đây.

Không động, không rung chuyển

Biết vậy, nên tu tập,

Hôm nay nhiệt tâm làm,

Ai biết chết ngày mai?

Không ai điều đình được,

Với đại quân thần chết,

Trú như vậy nhiệt tâm,

Đêm ngày không mệt mỏi,

Xứng gọi Nhất Dạ Hiền,

Bậc an tịnh, trầm lặng.

AN AUSPICIOUS DAY

272. I have heard that on one occasion the Blessed One was staying in Savatthi, at Jetavana, the park of Anathapindika. There he addressed the monks: "Monks!"

"Yes, lord," the monks replied.

The Blessed One said: "Monks, I will teach you the summary and exposition of one who has had an auspicious day. Listen and pay close attention. I will speak."

"As you say, lord," the monks replied.

The Blessed One said:

One would not chase after the past, nor place expectations on the future.

What is past is left behind.

The future is as yet unreached.

Whatever quality is present one clearly sees right there, right there.

Unvanquished, unshaken, that's how one develops the mind.

Ardently doing one's duty today, for -- who knows? -- tomorrow death may come.

There is no bargaining with Death and his mighty horde.

Whoever lives thus ardently, Relentlessly both day and night, has truly had an auspicious day:

So says the Peaceful Sage.

273. “Kathañca, bhikkhave, atītaṃ anvāgāmeti? ‘Evaṃrūpo ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, ‘evaṃvedano ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, ‘evaṃsañño ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, ‘evaṃsaṅkhāro ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, ‘evaṃviññāṇo ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti – evaṃ kho, bhikkhave, atītaṃ anvāgāmeti.

“Kathañca, bhikkhave, atītaṃ nānvāgāmeti? ‘Evaṃrūpo ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, ‘evaṃvedano ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, ‘evaṃsañño ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, ‘evaṃsaṅkhāro ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, ‘evaṃviññāṇo ahoṣiṃ atītamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti – evaṃ kho, bhikkhave, atītaṃ nānvāgāmeti.

274. “Kathañca, bhikkhave, anāgataṃ paṭikaṅkhati? ‘Evaṃrūpo siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, evaṃvedano siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, evaṃsañño siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, evaṃsaṅkhāro siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ samanvāneti, evaṃviññāṇo siyaṃ anāgatamaddhānanti tattha nandiṃ samanvāneti – evaṃ kho, bhikkhave, anāgataṃ paṭikaṅkhati.

273. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Nhu vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là hành của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy, "Nhu vậy, là thức của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là truy tìm quá khứ.

274. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Nhu vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là hành của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là thức của tôi trong quá khứ"; và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

275. Và này các Tỷ-kheo, thế nào ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Nhu vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là hành của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

273. "And how, monks, does one chase after the past? One gets carried away with the delight of 'In the past I had such a form (body)'. One gets carried away with the delight of 'In the past I had such a feeling'. One gets carried away with the delight of 'In the past I had such a perception'... 'In the past I had such a thought-fabrication'... 'In the past I had such a consciousness.' This is called chasing after the past.

274. "And how does one not chase after the past? One does not get carried away with the delight of 'In the past I had such a form (body)'... 'In the past I had such a feeling'... 'In the past I had such a perception'... 'In the past I had such a thought-fabrication'... 'In the past I had such a consciousness.' This is called not chasing after the past.

275. "And how does one place expectations on the future? One gets carried away with the delight of 'In the future I might have such a form (body)'... 'In the future I might have such a feeling'... 'In the future I might have such a perception'... 'In the future I might have such a thought-fabrication'... 'In the future I might have such a consciousness.' This is called placing expectations on the future.

‘‘Kathañca, bhikkhave, anāgataṃ nappaṭikañkhati? ‘Evaṃrūpo siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, evaṃvedano siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, evaṃsañño siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, evaṃsañkhāro siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti, ‘evaṃviññāṇo siyaṃ anāgatamaddhāna’nti tattha nandiṃ na samanvāneti – evaṃ kho, bhikkhave, anāgataṃ nappaṭikañkhati.

275. ‘‘Kathañca, bhikkhave, paccuppannesu dhammesu saṃhīrati? Idha, bhikkhave, assutavā puthujjano ariyānaṃ adassāvī ariyadhammassa akovido ariyadhamme avinīto sappurisānaṃ adassāvī sappurisdhammassa akovido sappurisdhamme avinīto rūpaṃ attato samanupassati, rūpavantam vā attānaṃ, attani vā rūpaṃ, rūpasmim vā attānaṃ; vedanaṃ attato samanupassati, vedanāvantam vā attānaṃ, attani vā vedanaṃ, vedanāya vā attānaṃ; saññaṃ attato samanupassati, saññāvantam vā attānaṃ, attani vā saññaṃ, saññāya vā attānaṃ; sañkhāre attato samanupassati, sañkhāravantam vā attānaṃ, attani vā sañkhāre, sañkhāresu vā attānaṃ; viññāṇam attato samanupassati, viññāṇavantam vā attānaṃ, attani vā viññāṇam, viññāṇasmim vā attānaṃ – evaṃ kho, bhikkhave, paccuppannesu dhammesu saṃhīrati.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai? Vị ấy nghĩ: "Nhu vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là tưởng của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là hành của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy sẽ là thức của tôi trong tương lai", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không ước vọng trong tương lai.

275. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc; hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ, hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ; hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong tưởng; hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

"And how does one not place expectations on the future? One does not get carried away with the delight of 'In the future I might have such a form (body)'...'In the future I might have such a feeling'...'In the future I might have such a perception'...'In the future I might have such a thought-fabrication'...'In the future I might have such a consciousness.' This is called not placing expectations on the future.

275. "And how is one vanquished with regard to present qualities? There is the case where an uninstructed run-of-the-mill person who has not seen the noble ones, is not versed in the teachings of the noble ones, is not trained in the teachings of the noble ones, sees form as self, or self as possessing form, or form as in self, or self as in form. "He/she sees feeling as self, or self as possessing feeling, or feeling as in self, or self as in feeling. "He/she sees perception as self, or self as possessing perception, or perception as in self, or self as in perception. "He/she sees thought-fabrications as self, or self as possessing thought-fabrications, or thought-fabrications as in self, or self as in thought-fabrications. "He/she sees consciousness as self, or self as possessing consciousness, or consciousness as in self, or self as in consciousness. This is called being vanquished with regard to present qualities.

“Kathañca, bhikkhave, paccuppannesu dhammesu na saṃhīrati? Idha, bhikkhave, sutavā ariyasāvako ariyānaṃ dassāvī ariyadhammassa kovido ariyadhamme suvinīto sappurisānaṃ dassāvī sappurisdhammassa kovido sappurisdhamme suvinīto na rūpaṃ attato samanupassati, na rūpavantam vā attānaṃ, na attani vā rūpaṃ, na rūpasmim vā attānaṃ; na vedanaṃ attato samanupassati, na vedanāvantam vā attānaṃ, na attani vā vedanaṃ, na vedanāya vā attānaṃ; na saññaṃ attato samanupassati, na saññāvantam vā attānaṃ, na attani vā saññaṃ, na saññāya vā attānaṃ; na saṅkhāre attato samanupassati, na saṅkhāravantam vā attānaṃ, na attani vā saṅkhāre, na saṅkhāresu vā attānaṃ; na viññānaṃ attato samanupassati, na viññānavantam vā attānaṃ, na attani vā viññānaṃ, na viññānasmim vā attānaṃ – evaṃ kho, bhikkhave, paccuppannesu dhammesu na saṃhīrati.

“Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ;

Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ.

“Paccuppannañca yo dhammaṃ, tattha tattha vipassati;

Asaṃhīraṃ asaṃkupaṃ, taṃ vidvā manubrūhaye.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán sắc là trong tự ngã, không quán sắc là trong tự ngã; hay vị ấy không quán thọ là tự ngã, không quán thọ là có thọ, không quán thọ là trong tự ngã, không quán thọ là trong tự ngã; hay vị ấy không quán tưởng là tự ngã, không quán tưởng là có tướng, không quán tưởng là trong tự ngã, không quán tưởng là trong tự ngã; hay vị ấy không quán hành là tự ngã, không quán hành là có hành, không quán hành là trong tự ngã, không quán hành là trong tự ngã; không quán thức là tự ngã, không quán thức là có thức, không quán thức trong tự ngã, không quán thức trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm

Tương lai không ước vọng.

Quá khứ đã đoạn tận,

Tương lai lại chưa đến,

Chỉ có pháp hiện tại

Tuệ quán chính ở đây.

Không động, không rung chuyển

Biết vậy, nên tu tập,

"And how is one not vanquished with regard to present qualities? There is the case where a noble disciple who has seen the noble ones, is versed in the teachings of the noble ones, is well-trained in the teachings of the noble ones, does not see form as self, or self as possessing form, or form as in self, or self as in form.

"He/she does not see feeling as self, or self as possessing feeling, or feeling as in self, or self as in feeling.

"He/she does not see perception as self, or self as possessing perception, or perception as in self, or self as in perception.

"He/she does not see thought-fabrications as self, or self as possessing thought-fabrications, or thought-fabrications as in self, or self as in thought-fabrications.

"He/she does not see consciousness as self, or self as possessing consciousness, or consciousness as in self, or self as in consciousness. This is called not being vanquished with regard to present qualities.

One would not chase after the past, nor place expectations on the future.

What is past is left behind.

The future is as yet unreached.

Whatever quality is present one clearly sees right there, right there.

Unvanquished, unshaken,
that's how one develops the mind.

“Ajjeva kiccamātappaṃ, ko jaññā maraṇaṃ suve;

Na hi no saṅgamaṃ tena, mahāsenena maccunā.

“Evaṃ vihāriṃ ātāpiṃ, ahorattamatanditaṃ;

Taṃ ve bhaddekarattoti, santo ācikkhate munī’”ti.

““Bhaddekarattassa vo, bhikkhave, uddesaṅca vibhaṅgaṅca desessāmī’”ti –

iti yaṃ taṃ vuttaṃ idametaṃ paṭicca vutta’”nti.

Idamavoca bhagavā. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Bhaddekarattasuttaṃ niṭṭhitaṃ paṭhamaṃ.

Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Không ai điều đình được,
Vớ đại quân thần chết,
Xúng gọi Nhất Dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Khi ta nói: "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông: 'Nhất Dạ Hiền Giả', tổng thuyết và biệt thuyết", chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

*/ Châm dứt Kinh Nhất dạ hiền giả
phần thứ nhất/*

Ardently doing one's duty today,
for -- who knows? – tomorrow death
may come.

There is no bargaining with Death
and his mighty horde.

Whoever lives thus ardently,
Relentlessly both day and night,
has truly had an auspicious day:

So says the Peaceful Sage.

"Monks, I will teach you the
summary and exposition of one who
has had an auspicious day.' Thus it
was said, and in reference to this was
it said."

That is what the Blessed One said.
Gratified, the monks delighted in the
Blessed One's words.